TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M'ĐRẮK** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/HNGĐ-ST
Ngày 06 - 9 - 2024
"V/v: Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M'ĐRẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thêm, ông Nguyễn Văn Giang.

- **Thư ký phiên toà**: Bà Võ Linh Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M'Đrắk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa*:** Ông Y Lương Byă - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, tại hội trường Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 96/2024/TLST–HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024, về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Dương Thị N sinh năm 1966. Địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Trung Q sinh năm 1968. Địa chỉ: Thôn M, xã K, huyện M, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Dương Thị N trình bày:*

Tôi và ông Nguyễn Trung Q kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk vào năm 1989. Tuy nhiên do thời gian đã lâu nên chúng tôi làm làm thất lạc giấy đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống thường gây gổ, xung khắc và căng thẳng với nhau. Mạc dù sống chung một mái nhà nhưng chúng tôi không còn quan tâm, chăm sóc nhau mà thường né tránh nhau khi giáp mặt. Sự việc diễn ra

trong một thời gian khá dài dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chúng tôi đã tự động ly thân từ năm 2015 đến nay. Do đó, tôi và ông Q đã thỏa thuận ly hôn với nhau. Tuy nhiên, do chúng tôi không còn giữ giấy đăng ký kết hôn, cũng như không cung cấp được cho Tòa án giấy tờ liên quan đến đăng ký kết hôn. Nên tôi đề nghị Tòa án tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi và ông Nguyễn Trung Q.

Về con chung: Tôi và ông Nguyễn Trung Q có hai con chung là Nguyễn Hồng N sinh ngày 30/6/1989 và Nguyễn Hoàng Bảo N1 sinh ngày 06/02/2005. Hiện nay các con đều đã thành niên nên các con muốn sống với ai là do các con lựa chọn. Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Nguyễn Trung Q trình bày:*

Tôi và bà Dương Thị N kết hôn và chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M, huyện M nhưng do đã lâu nên chúng tôi đã làm thất lạc giấy đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, không hạnh phúc nên chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2015 cho tới nay. Đến nay tôi cảm thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên tôi và bà N thỏa thuận thuận tình ly hôn với nhau. Tuy nhiên, do chúng tôi đã làm mất các giấy từ chứng minh việc kết hôn nên tôi đề nghị Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa tôi Nguyễn Trung Q với bà Dương Thị N theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung như bà N đã trình bày, hiện nay các con đều đã trường thành nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****** *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:*

- Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án cũng như Hội đồng xét xử (HĐXX) và thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định về trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 9, 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Đề nghị HĐXX tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị N và ông Nguyễn Trung Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[**1**] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện về việc *"Không công nhận quan hệ vợ chồng"* giữa nguyên đơn và bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk theo quy định tại Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung***:***

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 1989, các đương sự đều trình bày có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn M, huyện M, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, các đương sự không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc đăng ký kết hôn trên. Ngoài ra, tại Công văn số 122/UBND-TPHT ngày 05/8/2024 của UBND thị trấn M, huyện M thể hiện *"... qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn còn lưu trữ tại UBND thị trấn thì ông Nguyễn Trung Q và bà Dương Thị N không đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn."*. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Do việc chung sống không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nên giữa nguyên đơn và bị đơn đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng là có căn cứ. Vì vậy, HĐXX căn cứ quy định tại Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị N và ông Nguyễn Trung Q.

Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn cùng trình bày có các con chung Nguyễn Hồng N sinh ngày 30/6/1989 và Nguyễn Hoàng Bảo N1 sinh ngày 06/02/2005. Hiện nay các con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí nguyên đơn đã

nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000739 ngày 15/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ thí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Dương Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Dương Thị N và ông Nguyễn Trung Q.

2. Về án phí: Bà Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000739 ngày 15/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Thị Thu Hà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện M'Đrắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS huyện M;
- Đương sự;
- UBND xã K;
- Lưu HS, VP.